TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST
Ngày : 24/7/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng Trân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Tây**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2026 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Trần Hữu P**
Địa chỉ: TDP F T, p. B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
Bị đơn: Bà **Châu Thảo N**
Địa chỉ: H T, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phạm Trần Hữu P trình bày:*

Ông và bà Châu Thảo N chung sống và đăng ký kết hôn năm 2024 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N. Quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn ngày càng tăng, thậm chí hiện nay cả hai không còn nói chuyện được với nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Gia Minh L sinh ngày 08/4/2024. Vợ chồng ông đã ly thân hơn 1 năm nay, cháu L hiện đang ở với mẹ nên ông có nguyện vọng tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi, ông sẽ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Châu Thảo N trình bày*:

Bà và ông P tự nguyện kết hôn năm 2024 quá trình chung sống không có mâu thuẫn, nay ông P yêu cầu ly hôn với bà thì bà không đồng ý vì lý do ông P ngoại tình và có thể việc ly hôn có sự sắp đặt của người thứ 3 làm cho gia đình bà rơi vào hoàn cảnh như hôm nay. Trường hợp Tòa án quyết định cho bà và ông P ly hôn thì nguyện vọng của bà muốn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Gia Minh L sinh ngày 08/4/2024 và ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết và xác định không có nợ chung

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện

Bị đơn trình bày tại phiên tòa bà đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Châu Thảo N có địa chỉ thường trú tại H T, phường N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trần Hữu P và bà Châu Thảo N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 04/3/2024, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của hai bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay ông P và bà N không còn sống chung và không quan tâm hay chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, ông P xin ly hôn và bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của hai bên đương sự về việc thuận tình ly hôn giữa ông P1 Trần Hữu P và bà Châu Thảo N

[3] Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông P, bà N có 01 con chung là Phạm Gia Minh L sinh ngày 08/4/2024. Ông P và bà N thỏa thuận giao con chung cho bà N trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng nên Hội

đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2026, bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Nguyên đơn ông Phạm Trần Hữu P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Trần Hữu P

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Trần Hữu P và bà Châu Thảo N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Gia Minh L - sinh ngày 08/4/2024 cho bà Châu Thảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Ông Phạm Trần Hữu P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Ông Phạm Trần Hữu P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết ông ông P, bà N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

5. Án phí: Ông Phạm Trần Hữu P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001495 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, ông Phạm Trần Hữu P còn phải nộp 300.000 đồng án phí theo quy định.

Quy định:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSNDKV1 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND Nam Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Cát Hoàng Trân